

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG THCS BÀN CỜ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1271	363	228	347	333
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1.094 (86.07)	312 (85.95)	178 (78.07)	277 (79.83)	327 (98.2)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	172 (13.53)	50 (13.77)	48 (21.05)	68 (19.6)	6 (1.8)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	5 (0.39)	1 (0.28)	2 (0.88)	2 (0.58)	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	1271	363	228	347	333
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	366 (28.80)	77 (21.21)	45 (19.74)	117 (33.72)	127 (38.14)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	429 (33.75)	129 (35.54)	81 (35.53)	98 (28.24)	121 (36.34)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	374 (29.43)	117 (32.23)	71 (31.14)	101 (29.11)	85 (25.53)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	100 (7.87)	40 (11.02)	31 (13.6)	29 (8.36)	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0.58)			2 (0.58)	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1271	363	228	347	333
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1247 (98.110)	354 (97.52)	222 (97.37)	338 (97.41)	333 (100)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	256 (20.14)	7 (1.93)	6 (2.63)	116 (33.43)	127 (38.14)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	328 (25.81)	70 (19.28)	38 (16.67)	99 (28.53)	121 (36.34)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	100 (7.87)	40 (11.02)	31 (13.6)	29 (8.36)	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	24 (1.89)	9 (2.48)	6 (2.63)	9 (2.59)	

Biểu mẫu 10

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	17/37 (1.34/2.91)	1/1 (0.27/0.28)	4/9 (1.39/3.94)	8/22 (2.31/6.34)	4/5 (1.20/1.50)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	16				16
1	Cấp huyện	16				16
2	Cấp tỉnh/thành phố	11				11
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	333				333
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	333				333
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	127 (38.14)				127 (38.14)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	121 (36.34)				121 (36.34)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	85 (25.53)				85 (25.53)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	659/612	184/179	113/115	189/158	173/160
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	86	15	17	27	27

Quận 3, ngày 30 tháng 6 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền